

Bản án số: 68/2024/HN-ST

Ngày: 07-6-2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình  
về ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Chí Thành
- Ông Ngô Bá Đức

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị D, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Ngô Hoàng D, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị D có mặt, anh D vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/3/2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Võ Thị D trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Ngô Hoàng D. Lý do: Chị và anh D do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2012. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Anh D cờ bạc, không lo làm ăn. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hoà hợp. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn. Đối với việc gia đình anh D cho rằng chị có mối quan hệ tình cảm với người khác là không có.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Tấn K, sinh ngày 12/4/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Ngô Hoàng D vắng mặt, không lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin vắng.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị D; Con chung: Ngô Tấn K, sinh ngày 12/4/2013. Khi ly hôn, chị D được trực tiếp nuôi con, ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có, anh D vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Võ Thị D, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Võ Thị D là nguyên đơn, anh Ngô Hoàng D là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Ngô Hoàng D tại phiên tòa (vắng mặt lần thứ 2, không có đơn xin vắng), Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Ngô Hoàng D là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:**

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị D, thấy rằng:

Chị D yêu cầu xin ly hôn với anh D. Anh D vắng mặt, không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh, người thân của anh D cho biết thông tin: Hôn nhân của anh D và chị D có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình anh D. Chị D làm tại địa phương, anh D chạy xe thuê ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian gần đây, anh D nghi ngờ chị D có mối quan hệ tình cảm với người khác vì anh D đọc được tin nhắn trên điện thoại của chị D. Chị D về nhà cha mẹ ruột sống. Hai bên gia đình có gặp mặt nói chuyện nhưng không thể hàn gắn được, bên chị D quyết định ly hôn. Anh D có biết và không có ý kiến, để Tòa quyết định. Về con chung hiện nay đang ở với chị D.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Anh D vẫn ở chung với cha mẹ, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo. Địa phương không rõ mâu thuẫn vợ chồng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh D là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, từ việc bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Phía chị D cho rằng anh D cờ bạc, không lo làm ăn. Phía gia đình anh D cho rằng chị D có mối quan hệ tình cảm với người khác. Điều đó chứng minh tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt, không còn tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, đã có thời gian không sống chung nhưng không tìm được hướng hàn gắn, đoàn tụ. Hai bên gia đình cũng có hướng hoà giải nhưng không có kết quả. Nay chị D kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải nhưng anh D vắng mặt không đến Tòa nên không thể tiến hành hòa giải cho anh chị hàn gắn, đoàn tụ được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Tấn K, sinh ngày 12/4/2013. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Thấy rằng con đang sống chung với mẹ, con cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên để chị D trực tiếp nuôi con là phù hợp. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị D trình bày không có, anh D vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị D trình bày không có, anh D vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

**[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.**

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị D chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị D.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Võ Thị D được ly hôn với anh Ngô Hoàng D.

2. Về con chung: Ngô Tấn K, sinh ngày 12/4/2013. Khi ly hôn, chị Võ Thị D được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Võ Thị D không yêu cầu anh Ngô Hoàng D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ... theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Võ Thị D trình bày không có, anh Ngô Hoàng D vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Võ Thị D trình bày không có, anh Ngô Hoàng D vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Võ Thị D phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003911 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Đỗ Thúy Hằng**